|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH ĐẮK NÔNG  **SỞ LAO ĐỘNG**  **THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Số: /SLĐTBXH-BTXH&PCTN  V/v rà soát, đề xuất điều chuyển dự toán ngân sách nhà nước từ các dự án thành phần không còn đối tượng hỗ trợ hoặc không đủ điều kiện để giải ngân kinh phí theo quy định hoặc có tỷ lệ giải ngân thấp thuộc CTMTQG giảm nghèo bền vững.  **“DỰ THẢO”** | *Đắk Nông, ngày tháng 4 năm 2024* |

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông

Sở Lao động – TB&XH nhận được các Công văn: số 547/SKH-QLN ngày 18/3/2024; số 727/SKH-QLN ngày 09/4/2024 và số 846 /SKH-QLN ngày 19/4/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc rà soát, đôn đốc rà soát, đề xuất điều chuyển dự toán ngân sách nhà nước từ các dự án thành phần không còn đối tượng hỗ trợ hoặc không đủ điều kiện để giải ngân kinh phí theo quy định hoặc có tỷ lệ giải ngân thấp thuộc 03 CTMTQG.

Qua theo dõi, tổng hợp từ báo cáo, đề xuất của các đơn vị, địa phương gửi về, Sở Lao động – TB&XH thực hiện việc tổng hợp thông tin, số liệu để đề xuất phương án xử lý, chuyển nguồn đối với các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo không còn đối tượng hỗ trợ hoặc không đủ điều kiện để giải ngân kinh phí theo quy định, hoặc có tỷ lệ giải ngân thấp để đề xuất bổ sung dự toán thực hiện cho các dự án thành phần khác trong cùng Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo. Cụ thể:

**1. Tình hình bố trí vốn thực hiện Chương trình**

Tổng vốn bố trí trong 03 năm 2022, 2023 và năm 2024 để thực hiện Chương trình là 897.244 triệu đồng, trong đó đã phân bổ chi tiết 883.065 triệu đồng. Còn lại 14.179 triệu đồng từ nguồn vốn đầu tư phát triển chưa thực hiện phân bổ.

Kết quả phân bổ vốn từng năm, cụ thể như sau:

**\* Năm 2022:** Tổng vốn được phân bổ là 216.796 triệu đồng; trong đó, vốn đầu tư phát triển 166.442 triệu đồng, vốn sự nghiệp 50.354 triệu đồng:

+ Nguồn ngân sách trung ương là 197.088 triệu đồng; trong đó, vốn đầu tư phát triển 151.311 triệu đồng, vốn sự nghiệp 45.777 triệu đồng.

+ Nguồn ngân sách địa phương là 19.708 triệu đồng; trong đó, vốn đầu tư phát triển 15.131 triệu đồng, vốn sự nghiệp 4.577 triệu đồng.

\* Năm 2023: Tổng vốn được phân bổ là là 330.258 triệu đồng; trong đó, vốn đầu tư phát triển là 179.289 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 150.969 triệu đồng:

+ Nguồn ngân sách trung ương là 300.235 triệu đồng; trong đó, vốn đầu tư phát triển 162.989 triệu đồng, vốn sự nghiệp 137.246 triệu đồng.

+ Nguồn ngân sách địa phương là 30.023 triệu đồng; trong đó, vốn đầu tư phát triển 16.300 triệu đồng (*ngân sách tỉnh: 11.247 triệu đồng và ngân sách cấp huyện: 5.053 triệu đồng*), vốn sự nghiệp 13.723 triệu đồng (*ngân sách tỉnh: 7.414 triệu đồng và ngân sách cấp huyện: 6.309 triệu đồng*).

**\* Năm 2024:** Tổng nguồn vốn năm 2024 là 350.190 triệu đồng, trong đó đã giao chi tiết 336.011 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển là 148.716 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 187.295 triệu đồng), còn lại 14.179 triệu đồng chưa thực hiện phân bổ; các nguồn vốn cụ thể:

- Nguồn ngân sách Trung ương là 319.642 triệu đồng; trong đó: phân bổ 305.463 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển là 135.195 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 170.268 triệu đồng), còn lại 14.179 triệu đồng từ nguồn vốn đầu tư phát triển chưa thực hiện phân bổ.

- Nguồn ngân sách địa phương là 30.548 triệu đồng; trong đó: vốn đầu tư phát triển là 13.521 triệu đồng (ngân sách tỉnh 9.629 triệu đồng và ngân sách cấp huyện 3.892 triệu đồng), vốn sự nghiệp là 17.027 triệu đồng (ngân sách tỉnh 9.317 triệu đồng và ngân sách cấp huyện 7.710 triệu đồng).

**2. Kết quả giải ngân**

Đến ngày 26/3/2024, đã giải ngân được 338.127 triệu đồng, đạt tỷ lệ 37,7% vốn của 03 năm 2022, năm 2023 và năm 2024 (338.127 triệu đồng /897.244 triệu đồng). Kết quả giải ngân vốn của các năm, cụ thể:

- Vốn của năm 2022: đã giải ngân được 166.393 triệu đồng, cụ thể: Vốn đầu tư phát triển 144.544 triệu đồng (trung ương 142.007 triệu đồng và địa phương 2.537 triệu đồng); Vốn sự nghiệp 21.849 triệu đồng (trung ương 20.123 triệu đồng và địa phương 1.726 triệu đồng). Tỷ lệ đạt 76,8% trên tổng vốn được bố trí năm 2022.

- Vốn của năm 2023: đã giải ngân được 151.332 triệu đồng, cụ thể: Vốn đầu tư phát triển 109.116 triệu đồng (trung ương 102.007 triệu đồng và địa phương 7.109 triệu đồng); Vốn sự nghiệp 41.216 triệu đồng (trung ương 39.601 triệu đồng và địa phương 2.615 triệu đồng). Tỷ lệ đạt 45,8% trên tổng vốn được bố trí năm 2023.

- Vốn của năm 2024: đã giải ngân được 20.234 triệu đồng, cụ thể: Vốn đầu tư phát triển 20.234 triệu đồng (trung ương 20.234 triệu đồng và địa phương 0 triệu đồng); Vốn sự nghiệp 0 triệu đồng (trung ương 0 triệu đồng và địa phương 0 triệu đồng). Tỷ lệ đạt 6,9% trên tổng vốn được bố trí năm 2024.

**3. Đề xuất điều chỉnh nguồn vốn**

Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững vướng mắc khoảng **102.018 triệu đồng** (vốn **Đầu tư phát triển 33.247 triệu đồng** (Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 là 32.814 triệu đồng và Tiểu dự án 3 thuộc dự án 4 là 433 triệu đồng); **vốn Sự nghiệp 68.771 triệu đồng** (Dự án 2 là 10.076 triệu đồng; Tiểu dự án 1 thuộc dự án 4 là 32.990 triệu đồng; tiểu dự án 2 thuộc dự án 4 là 2.554 triệu đồng; Tiểu dự án 3 thuộc dự án 4 là 4.524 triệu đồng và Dự án 5 là 28.703 triệu đồng), cụ thể:

**3.1. Đối với vốn Dự án 2 đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (vốn sự nghiệp)**

**- Tình hình thực hiện và kết quả giải ngân:** Tổng vốn đã giao 03 năm (2022, 2023 và 2024) để các đơn vị, địa phương trong tỉnh thực hiện Dự án 2 là 92.882 triệu đồng, trong đó giao về cấp huyện (08 huyện, thành phố) là 82.806 triệu đồng; cấp tỉnh (Sở Lao động – TB&XH) là 10.076 triệu đồng. Đến nay, 08 huyện, thành phố đã giải ngân được 17.507 triệu đồng, đạt tỷ lệ 18,85% kế hoạch vốn được giao 03 năm. Đa số các huyện, thành phố thực hiện mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, dự án không gặp vướng mắc do đó các địa phương đã và đang gấp rút triển khai hồ sơ, thủ tục để giải ngân số vốn đã được bố trí, dự kiến đến hết năm 2024 giải ngân 100% vốn. Đối với vốn giao cấp tỉnh 10.076 triệu đồng cho cấp tỉnh (Sở Lao động - TB&XH) tỷ lệ giải ngân đạt 0%.

Đề xuất điều chuyển nguồn vốn 10.076 triệu thuộc diện khó giải ngân của Sở Lao động-TBXH về 08 huyện, thành phố để tổ chức thực hiện hỗ trợ sản xuất cộng đồng.

**- Cơ sở đề xuất điều chuyển:**

+ Cơ sở pháp lý: Theo tỷ lệ phân bổ được quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, nguồn vốn được bố trí trong 02 năm (2022-2023) tại các Quyết định số 1078/QĐ-UBND và Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Dự án là 10.076 triệu đồng (năm 2022 là 2.863 triệu đồng và năm 2023 là 7.213 triệu đồng).

Tại khoản 9 Điều 3 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và khoản 1 Điều 4 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH quy định bốn phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất, gồm: dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù, theo đó:

- Đối với phương thức thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng do cấp huyện, xã làm chủ đầu tư, được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

- Đối với phương thức thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ tại điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH quy định: *“a)* ***Cơ quan được bố trí kinh phí*** *để thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất* ***giao cho cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện*** *dự án mô hình giảm nghèo tiến hành khảo sát, xây dựng dự án,…”*. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có 02 đơn vị trực thuộc là Trung tâm bảo trợ xã hội và Trung tâm dịch vụ việc làm, tuy nhiện cả hai đơn vị trực thuộc này đều không có chức năng, nhiệm vụ để thực hiện các dự án giảm nghèo theo quy định.

**-** Đối với phương thức thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù, khoản 2 Điều 9Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH quy định phương thức này chỉ được phép áp dụng đối với các có quan, đơn vị trực thuộc cấp Bộ, ngành Trung ương.

- Đối với phương thức còn lại thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị,các cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án được phép tham mưu, thực hiện. Tuy nhiên,theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 21 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP: *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc phê duyệt dự án, kế hoạch* ***liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh;*** *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết* ***thuộc phạm vi quản lý cấp huyện*.**

Như vậy, trong bốn phương thức này, cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ thực hiện được dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo **chuỗi giá trị** **phạm vi liên huyện,** các phương thức còn lại không thực hiện được.

+ Cơ sở thực tiễn: Tháng 5/2023, sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND và Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND (quy định mức hỗ trợ; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục,… lựa chọn dự án). Cơ quan cấp tỉnh chủ trì Dự án 2 (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) đã phối hợp với Liên minh hợp tác xã tỉnh, các đơn vị có liên quan thông báo Kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo đến các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, đến cuối năm 2023 và những tháng đầu năm 2024, chỉ có 02 hồ sơ đăng ký tham gia dự án. Kết quả thẩm định hồ sơ của Hội đồng thẩm định xác định cả 02 hồ sơ chưa đảm bảo các điều kiện để thực hiện việc phê duyệt dự án, ký kết hợp đồng (chưa đảm bảo điều kiện về đất để thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất như (đất lấn chiếm, tranh chấp, nằm trong khu vực đất của tổ chức và đất quy hoạch rừng, …; hồ sơ không đảm bảo tỷ lệ đối tượng thuộc diện thụ hưởng các CTMTQG theo các quy định; năng lực của đơn vị chủ trì liên kết, đơn vị tham gia liên kết chưa đảm bảo,…) do đó đến thời điểm hiện tại tỷ lệ giải ngân đạt 0%.

Qua thực tế triển khai dự án cho thấy, Đắk Nông với đặc thù là tỉnh rất có tiềm năng về phát triển chuỗi giá trị liên kết trong lĩnh vực nông nghiệp. Các ngành nghề phi nông nghiệp tại tỉnh như dịch vụ, thương mại, du lịch phát triển chậm hơn, khó hình thành chuỗi liên kết giá trị. Tuy nhiên, để hình thành và phát triển được chuỗi giá trị liên kết trong lĩnh vực nông nghiệp phải có nguồn nguyên liệu sạch, an toàn, đặc biệt các sản phẩm nông sản phải đạt các tiêu chuẩn chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, nông nghiệp tốt, chứng nhận hữu cơ. Trên địa bàn tỉnh hiện nay đã hình thành và đang phát triển các chuỗi giá trị liên kết, đặc biệt là chuỗi giá trị liên kết trong lĩnh vực nông nghiệp, tuy nhiên đa số các chuỗi giá trị liên kết đều được thực hiện trong phạm vi một huyện và có quy mô nhỏ lẻ; số lượng chuỗi liên kết phạm vi liên huyện hiện nay rất ít.

Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ): *“Các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo”.* Với điều kiện này mỗi chuỗi giá trị liên kết yêu cầu phải có số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tương đối lớn (đa số năng lực sản xuất còn nhiều hạn chế, kỹ năng áp dụng khoa học kỹ thuật yếu, … rất dễ làm đứt gãy các chuỗi liên kết); Bên cạnh đó, nội dung hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước và mục tiêu của Chương trình là đầu tư, hỗ trợ cho đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo. Đối với các hộ không là hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, hợp tác xã, doanh nghiệp, … khi tham gia vào dự án chỉ được hỗ trợ các nội dung như đào tạo kiến thức lý thuyết, kỹ thuật sản xuất. Trách nhiệm quản lý dự án của đơn vị chủ trì liên kết rất cao nhưng mức thụ hưởng nguồn lực từ dự án rất ít, từ đó rất khó để thu hút các hợp tác xã, doanh nghiệp ký kết hợp đồng tham gia dự án.

Do đó, để đảm bảo các quy định hiện hành và phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương, đề nghị Hội đồng nhân tỉnh cho điều chỉnh nguồn vốn đã giao cấp tỉnh (Sở Lao động-TBXH) là nguồn vốn thuộc diện khó giải ngân về 08 huyện, thành phố (đang thuận lợi, không gặp vướng mắc) để tổ chức thực hiện phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, đảm bảo tỷ lệ giải ngân của Dự án.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Đơn vị đề xuất chuyển vốn** | **Đề xuất  đơn vị nhận vốn** | **Đề xuất Dự án/tiểu dự án sử dụng nguồn vốn được điều chuyển** | **Kế hoạch vốn** | | | | | | **Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương theo Nghị quyết đã được HĐND tỉnh phê duyệt** |
| **Tổng chuyển** | **Tổng nhận** | **Ngân sách  TW** | **Ngân sách  địa phương** | **Ngân sách  tỉnh** | **Ngân sách  huyện** |
|
| **10.076** | **10.076** | **9.160** | **916** | **520** | **-** |  |
| **Vốn năm  2022** | Sở Lao động - TB&XH |  | Dự án 2 đa dạng hóa sinh kế - PT mô hình giảm nghèo | **2.863** |  | **2.603** | **260** | **260** | **-** | Đáp ứng: Tỉnh không có đối tượng thụ hưởng, chuyển từ tỉnh cho 08 huyện, thành phố, vốn được phân bổ theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức và tỷ lệ đối ứng quy định tại quyết 05/2022/NQ-HĐND. |
|  | **Các huyện, thành phố** | Dự án 2 đa dạng hóa sinh kế - PT mô hình giảm nghèo |  | **2.863** | **2.603** | **260** | **74** | **186** |
| UBND huyện Krông Nô |  | 401 | 364 | 36 | 11 | 25 |
| UBND huyện Cư Jút |  | 315 | 286 | 29 | - | 29 |
| UBND huyện Đắk Mil |  | 344 | 312 | 31 | - | 31 |
| UBND huyện Đắk Song |  | 315 | 286 | 29 | 9 | 20 |
| UBND huyện Đắk R'lấp |  | 344 | 312 | 31 | - | 31 |
| UBND huyện Tuy Đức |  | 429 | 390 | 39 | 27 | 12 |
| UBND huyện Đắk Glong |  | 429 | 390 | 39 | 27 | 12 |
| UBND TP Gia Nghĩa |  | 286 | 260 | 26 | - | 26 |
| **Vốn năm  2023** | Sở Lao động - TB&XH |  |  | **7.213** |  | **6.557** | **656** | **260** | **-** |
|  | **Các huyện, thành phố** | Dự án 2 đa dạng hóa sinh kế - PT mô hình giảm nghèo |  | **7.213** | **6.557** | **656** | **187** | **469** |
| UBND huyện Krông Nô |  | 1.010 | 918 | 92 | 28 | 64 |
| UBND huyện Cư Jút |  | 793 | 721 | 72 | - | 72 |
| UBND huyện Đắk Mil |  | 866 | 787 | 79 | - | 79 |
| UBND huyện Đắk Song |  | 793 | 721 | 72 | 22 | 50 |
| UBND huyện Đắk R'lấp |  | 866 | 787 | 79 | - | 79 |
| UBND huyện Tuy Đức |  | 1.082 | 984 | 98 | 69 | 30 |
| UBND huyện Đắk Glong |  | 1.082 | 984 | 98 | 69 | 30 |
| UBND TP Gia Nghĩa |  | 721 | 656 | 66 | - | 66 |

**3.2. Đối với nguồn vốn Tiểu dự án 1 thuộc dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn**

- **Tình hình thực hiện và kết quả giải ngân:** Tổng vốn đã bố trí để thực hiện Tiểu dự án 1 dự án 4 là: 142.300 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 66.579 triệu đồng, vốn sự nghiệp 75.721 triệu đồng), trong đó, đã giao chi tiết về các đơn vị, địa phương là 136.864 triệu đồng (giao cụ thể 03 năm 2022-2024 cho các đơn vị, địa phương là 131.428 triệu đồng và 5.436 triệu đồng giao TP Gia Nghĩa nhưng chưa giao chi tiết năm thực hiện) và chưa giao chi tiết đơn vị thực hiện của năm 2024 là 14.179 triệu đồng. Đến thời điểm hiện nay đã giải ngân được 25.755 triệu đồng (ĐTPT: 17.756 triệu đồng và sự nghiệp: 7.999 triệu đồng), tỷ lệ đạt 18,8%. Số vốn khó giải ngân của Tiểu dự án khoảng 37.311 triệu đồng (ĐTPT 12.680 triệu đồng và sự nghiệp: 24.631 triệu đồng).

**- Đề xuất điều chuyển:**

***+ Vốn Đầu tư phát triển:*** Đề xuất điều chuyển 32.814triệu đồng, trong đó bao gồm 5.436 triệu đồng (đã giao TP Gia Nghãi chưa giao năm thực hiện) và 14.179 triệu đồng chưa giao cụ thể đơn vị thực hiện). Cụ thể:

+ Đề xuất chuyển nguồn 9.335 triệu đồng cho Trường Cao đẳng cộng đồng tỉnh để thực hiện gồm vốn của các đơn vị (Krông Nô 2.946 triệu đồng; Cư Jút 953 triệu đồng; TP Gia Nghĩa 5.436 triệu đồng); Đồng thời đề xuất giao 14.179 triệu đồng (vốn chưa phân bổ chi tiết của năm 2024) về Trường Cao đẳng cộng đồng để thực hiện.

+ Đề xuất điều chuyển 9.300 triệu đồng để thực hiện Tiểu dự án 1, dự án 1 trên địa bàn các huyện nghèo, gồm Đắk Glong 5.955 triệu đồng Tuy Đức 3.345 triệu đồng (vốn từng huyện có nhu cầu điều chuyển nội bộ từ Tiểu dự án 1 dự án 4 sang Tiều dự án 1 dự án 1).

***Cơ sở đề xuất:*** Tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06/01/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: *“Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên là cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và là đơn vị sự nghiệp công lập có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng”;* theo đó, *Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp huyện* không thuộc đối tượng thụ hưởng của Chương trình, nên hiện nay một số địa phương không thể thực hiện giải ngân và có đề xuất điều chuyển nguồn vốn.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Đơn vị đề xuất chuyển vốn** | **Đề xuất đơn vị nhận vốn** | **Đơn vị và Dự án/tiểu dự án sử dụng nguồn vốn được điều chuyển** | **Kế hoạch vốn** | | | | | | **Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương theo Nghị quyết đã được HĐND tỉnh phê duyệt** | **Ghi chú** |
| **Tổng chuyển** | **Tổng nhận** | **Ngân sách  TW** | **Ngân sách  địa phương** | **Ngân sách  tỉnh** | **Ngân sách  huyện** |
| **NHU CẦU ĐIỀU CHUYỂN CỦA 3 NĂM 2022-2024** | | | | **32.814** | **13.199** | **11.811** | **1.388** | **729** | **659** |  |  |
| Năm 2022 | UBND huyện Krông Nô | Cao đẳng cộng đồng | Trường Cao đẳng cộng đồng  thực hiện TDA1DA4 | 175 | 175 | 2 | 173 | 61 | 112 | Đáp ứng: cùng tính chất vốn, Trường Cao đẳng cộng đồng là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc diện thụ hưởng. |  |
| UBND huyện Cư Jút | Cao đẳng cộng đồng | Trường Cao đẳng cộng đồng  thực hiện TDA1DA4 | 177 | 177 | 130 | 47 | - | 47 |  |
| UBND huyện Đắk Glong | UBND huyện Đắk Glong | Tiểu dự án 1 Dự án 1 | 2.629 | 2.629 | 2.390 | 239 | 167 | 72 | Đáp ứng (cùng tính chất vốn,  mỗi huyện có nhu cầu tự điều chuyển nội bộ trong huyện) |  |
| UBND huyện Tuy Đức | UBND huyện Tuy Đức | Tiểu dự án 1 Dự án 1 | 2.531 | 2.531 | 2.301 | 230 | 161 | 69 |  |
| Tổng vốn có nhu cầu điều chuyển năm 2022 | | | 5.512 | 5.512 | 4.823 | 689 | 389 | 300 |  |  |
| Năm 2023 | UBND huyện Krông Nô | Trường Cao đẳng cộng đồng | Trường Cao đẳng cộng đồng  thực hiện TDA1DA4 | 2.771 | 2.771 | 2.519 | 252 | 76 | 176 | Đáp ứng: cùng tính chất vốn, Trường Cao đẳng cộng đồng là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc diện thụ hưởng. |  |
| UBND huyện Cư Jút | Trường Cao đẳng cộng đồng | Trường Cao đẳng cộng đồng  thực hiện TDA1DA4 | 776 | 776 | 705 | 71 | - | 71 |  |
| UBND huyện Đắk Glong | UBND huyện Đắk Glong | Tiểu dự án 1 Dự án 1 | 3.326 | 3.326 | 3.024 | 302 | 212 | 90 | Đáp ứng (cùng tính chất vốn,  mỗi huyện có nhu cầu tự điều chuyển nội bộ trong huyện) |  |
| UBND huyện Tuy Đức | UBND huyện Tuy Đức | Tiểu dự án 1 Dự án 1 | 814 | 814 | 740 | 74 | 52 | 22 |  |
| Tổng vốn có nhu cầu điều chuyển năm 2023 | | | 7.687 | 7.687 | 6.988 | 699 | 340 | 359 |  |  |
| **Vốn đã giao cho UBND Thành phố Gia Nghĩa tại Quyết định số 1080/QĐ-UBND nhưng chưa giao cụ thể năm thực hiện** | | | | | | | | | | | |
|  | TP Gia Nghĩa | TP Gia Nghĩa | Trường Cao đẳng cộng đồng  thực hiện TDA1DA4 | 5436 | 5436 | 4942 | 494 |  | 494 |  |  |
| **Vốn chưa phân bổ của năm 2024 tại Quyết định số 1712/QĐ-UBND nhưng chưa giao đơn vị thực hiện** | | | | | | | | | | | |
|  | TP Gia Nghĩa | Chưa giao đơn vị thực hiện | Trường Cao đẳng cộng đồng  thực hiện TDA1DA4 | 14179 | 14179 | 14179 | 0 |  | 0 |  |  |

***+ Vốn sự nghiệp:*** ***+ Vốn sự nghiệp:*** đề xuất điều chuyển tổng số 32.990 triệu đồng, trong đó:

+ Sở Lao động – TB&XH đề xuất chuyển 10.000 triệu đồng (5.000 triệu đồng điều chuyển sang Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn để thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp và 5.000 triệu đồng sang Sở Thông tin và truyền thông để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6 Giảm nghèo về thông tin);

+ Đề xuất điều chuyển 6.768 triệu đồng của UBND huyện Đắk Mil để thực hiện Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp huyện tự thực hiện trên địa bàn, (huyện đề xuất trả vốn về tỉnh, tuy nhiên theo quan điểm Sở Lao động – TB&XH đề nghị huyện chuyển qua thực hiện dự án, tiểu dự án trong huyện - điều chuyển nội bộ từ Tiểu dự án 1 dự án 4 sang Tiểu dự án 1 dự án 3).

+ UBND huyện Tuy Đức đề xuất điều chuyển 7.863 triệu đồng sang Tiểu dự án 1, dự án 1 đang thực hiện trên địa bàn huyện (điều chuyển trong huyện);

+ UBND huyện Đắk Glong đề xuất điều chuyển 8.359 triệu đồng sang Tiểu dự án 1, dự án 1 đang thực hiện trên địa bàn huyện (điều chuyển trong huyện).

***Cơ sở đề xuất:*** Các đối tượng đăng ký hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng đa số là người dân tộc thiểu số nên kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề chủ yếu thuộc nguồn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Chưa có hướng dẫn cụ thể về đối tượng có thu nhập thấp trong Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững nên các địa phương chưa thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho đối tượng này.

Vốn sự nghiệp của Tiểu dự án chỉ thực hiện được nội dung đào tạo nghề, tuy nhiên nhu cầu đào tạo nghề hiện nay rất hạn chế vì vậy chỉ thực hiện được một số lớp; các nội dung khác do Trung tâm GDNN-GDTX huyện không phải là cơ sở giáo dục nghề nghiệp nên không thuộc đơn vị thụ hưởng các nguồn vốn CTMTQG.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Đơn vị đề xuất chuyển vốn** | **Đề xuất đơn vị nhận vốn** | **Đề xuất Dự án/tiểu dự án sử dụng nguồn vốn được điều chuyển** | **Kế hoạch vốn** | | | | | | **Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương theo Nghị quyết đã được HĐND tỉnh phê duyệt** | **Ghi chú** |
| **Tổng chuyển** | **Tổng nhận** | **Ngân sách  TW** | **Ngân sách  địa phương** | **Ngân sách  tỉnh** | **Ngân sách  huyện** |
| **NHU CẦU ĐIỀU CHUYỂN CỦA 3 NĂM 2022-2024** | | | | **32.990** | **32.990** | **30.094** | **2.896** | **1.901** | **752** |  |  |
|  | **Cấp tỉnh** | | | **3.219** | **-** | **2.911** | **308** | **308** | **-** |  |  |
| **Vốn năm  2022** | **1. Sở Lao động  - TB&XH** |  |  | **3.219** |  | **2.911** | **308** | **308** | **-** | Đáp ứng (cùng tính chất vốn,  điều chuyển nội bộ cấp tỉnh) |  |
|  | **Các Sở, ngành** |  |  | **3.219** | **2.911** | **308** | **308** | - |
| Sở Thông tin và truyền thông | Tiểu dự án 1 dự án 6  Giảm nghèo về thông tin |  | 1.610 | 1.456 | 154 | 154 | - |
| Sở Nông nghiệp và PTNT | Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp |  | 1.610 | 1.456 | 154 | 154 | - |
|  | **Các huyện, thành phố** |  | **4.587** | **4.587** | **4.367** | **220** | **64** | **172** | Đáp ứng (cùng tính chất vốn,  mỗi huyện có nhu cầu tự điều chuyển nội bộ trong huyện) |  |
| UBND huyện Đắk Mil | UBND huyện Đắk Mil | Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp | 1.789 | 1.789 | 1.789 | - | - | 31 |
| UBND huyện Đăk Glong | UBND huyện Đăk Glong | Tiểu dự án 1, dự án 1  (duy tu bảo dưỡng) | 1.797 | 1.797 | 1.668 | 129 | - | 129 |
| UBND huyện Tuy Đức | UBND huyện Tuy Đức | Tiểu dự án 1, dự án 1  (duy tu bảo dưỡng) | 1.001 | 1.001 | 910 | 91 | 64 | 12 |
| **Tổng vốn có nhu cầu điều chuyển năm 2022** | | | **7.806** | **7.806** | **7.278** | **528** | **372** | **172** |  |  |
| **Vốn  năm 2023** | **1. Sở Lao động  - TB&XH** |  | Tiểu dự án 1 dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn | **2.653** |  | 2.351 | 302 | 302 | - | Đáp ứng (cùng tính chất vốn,  điều chuyển nội bộ cấp tỉnh) |  |
| **Các Sở, ngành** |  | **2.653** | **2.653** | 2.351 | 302 | 302 | - |
| Sở Thông tin và truyền thông | Tiểu dự án 1 dự án 6  Giảm nghèo về thông tin |  | 1.327 | 1.176 | 151 | 151 | - |
| Sở Nông nghiệp và PTNT | Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp |  | 1.327 | 1.176 | 151 | 151 | - |
| **Các huyện, thành phố** | | | **8.705** | **8.705** | **8.153** | **552** | **456** | **96** |  |  |
| UBND huyện Đắk Mil | UBND huyện Đắk Mil | Tiểu dự án 1:  Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp | 1.933 | 1.933 | 1.933 | - | - | - | Đáp ứng (cùng tính chất vốn,  mỗi huyện có nhu cầu tự điều chuyển nội bộ trong huyện) |  |
| UBND huyện Đăk Glong | UBND huyện Đăk Glong | Tiểu dự án 1, dự án 1  (duy tu bảo dưỡng) | 3.247 | 3.247 | 3.015 | 232 | 232 | - |  |
| UBND huyện Tuy Đức | UBND huyện Tuy Đức | Tiểu dự án 1, dự án 1  (duy tu bảo dưỡng) | 3.525 | 3.525 | 3.205 | 320 | 224 | 96 |  |
| **Tổng vốn có nhu cầu điều chuyển năm 2023** | | | **11.358** | **11.358** | **10.504** | **854** | **758** | **96** |  |  |
| **Vốn  năm 2024** | **1. Sở Lao động  - TB&XH** |  | Tiểu dự án 1 dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn | **4.128** |  | **3.561** | **567** | **308** | **-** | Đáp ứng (cùng tính chất vốn,  điều chuyển nội bộ cấp tỉnh) |  |
| **Các Sở, ngành** |  |  | **4.128** | **3.561** | **567** | **308** | **-** |
| Sở Thông tin và truyền thông | Tiểu dự án 1 dự án 6  Giảm nghèo về thông tin |  | 2.064 | 1.781 | 284 | 154 | - |
| Sở Nông nghiệp và PTNT | Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp |  | 2.064 | 1.781 | 284 | 154 | - |
|  | **Các huyện, thành phố** |  | **9.698** | **9.698** | **8.751** | **947** | **463** | **484** |  |  |
| UBND huyện Đắk Mil | UBND huyện Đắk Mil | Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp | 3.046 | 3.046 | 2.760 | 286 | - | 286 | Đáp ứng (cùng tính chất vốn,  mỗi huyện có nhu cầu tự điều chuyển nội bộ trong huyện) |  |
| UBND huyện Đăk Glong | UBND huyện Đăk Glong | Tiểu dự án 1, dự án 1  (duy tu bảo dưỡng) | 3.315 | 3.315 | 2.952 | 363 | 254 | 109 | Nhu cầu đề xuất năm 2024 của Đắk Glong là số Sở tạm tính trên cơ sở huyện đề nghị tổng số 8.359 - vốn chưa giải ngân dc của 2 năm 2022 và 2023, đề nghị Huyện Đắk Glong phối hợp báo cáo phần này |
| UBND huyện Tuy Đức | UBND huyện Tuy Đức | Tiểu dự án 1, dự án 1  (duy tu bảo dưỡng) | 3.337 | 3.337 | 3.039 | 298 | 209 | 89 |  |
|  | **Tổng vốn có nhu cầu điều chuyển năm 2024** | | | **13.826** | **13.826** | **12.312** | **1.514** | **771** | **484** |  |  |

**3.3. Đối với nguồn thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc dự án 4: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (100% vốn sự nghiệp)**

**- Tình hình thực hiện và kết quả giải ngân:** Tổng vốn phân bổ 03 năm thực hiện Tiểu dự án là 3.886 triệu đồng. Đến nay, Tiểu dự án giải ngân 0 đồng; tỷ lệ giải ngân 0%.

Đề xuất điều chuyển 2.554 triệu đồng, trong đó:

+ Sở Lao động – TB&XH đề xuất chuyển 1.554 triệu đồng sang Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp để UBND các huyện tổ chức thực hiện; đồng thời;

+ UBND huyện Tuy Đức đề xuất điều chuyển 1.000 triệu đồng sang Tiểu dự án 1, thuộc Dự án 3 hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp để thực hiện (điều chuyển trong huyện).

**- Cơ sở đề xuất điều chuyển:** Đến thời điểm hiện nay Sở Lao động – TB&XH và 02 huyện (Tuy Đức và Đắk Glong) không nhận được hồ sơ đề nghị hỗ trợ của người lao động. Người lao động là đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh có tư tưởng không muốn đi làm việc xa gia đình; khả năng về tài chính, tài sản thế chấp vay vốn của hộ đồng bào DTTS, cũng như hộ nghèo, hộ cận nghèo còn nhiều khó khăn, đối với mức vay từ 50 triệu đồng trở lên phải vay thế chấp ... Do vậy, việc tuyển dụng lao động là người DTTS, hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài gặp rất nhiều khó khăn.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Đơn vị đề xuất chuyển vốn** | **Đề xuất đơn vị nhận vốn** | **Đề xuất Dự án/tiểu dự án sử dụng nguồn vốn được điều chuyển** | **Kế hoạch vốn** | | | | | | **Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương theo Nghị quyết đã được HĐND tỉnh phê duyệt** |
| **Tổng chuyển** | **Tổng nhận** | **Ngân sách  TW** | **Ngân sách  địa phương** | **Ngân sách  tỉnh** | **Ngân sách  huyện** |
| **NHU CẦU ĐIỀU CHUYỂN CỦA 3 NĂM 2022-2024** | | | | **2.554** | **2.554** | **2.307** | **247** | **196** | **32** |  |
| **Vốn năm  2022** | **Cấp tỉnh** | | | 207 | 207 | 188 | 19 | - | - | Đáp ứng (cùng tính chất vốn,  điều chuyển nội bộ cấp tỉnh) |
| Sở Lao động - TB&XH | Sở Nông nghiệp và PTNT | Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp |  | 207 | 188 | 19 | - | - |
| **cấp huyện** | | | 155 | 155 | 141 | 14 | 10 | 4 | Đáp ứng (cùng tính chất vốn,  mỗi huyện có nhu cầu tự điều chuyển nội bộ trong huyện) |
| UBND huyện Tuy Đức | UBND huyện Tuy Đức | Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp | 155 | 155 | 141 | 14 | 10 | 4 |
| **Tổng vốn có nhu cầu điều chuyển năm 2022** | | | **362** | **362** | **329** | **33** | **10** | **4** |  |
| **Cấp tỉnh** | | | 674 | 674 | 613 | 61 | 61 | - |  |
| **Vốn  năm 2023** | Sở Lao động - TB&XH | Sở Nông nghiệp và PTNT | Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp | 674 | 674 | 613 | 61 | 61 | - | Đáp ứng (cùng tính chất vốn,  điều chuyển nội bộ cấp tỉnh) |
| **cấp huyện** | | | 506 | 506 | 460 | 46 | 32 | 14 |  |
| UBND huyện Tuy Đức | UBND huyện Tuy Đức | Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp | 506 | 506 | 460 | 46 | 32 | 14 |  |
| **Tổng vốn có nhu cầu điều chuyển năm 2023** | | | **1.180** | **1.180** | **1.073** | **107** | **93** | **14** |  |
| **Vốn  năm 2024** | **Cấp tỉnh** | | | **673** | **-** | **612** | **61** | **61** | **-** |  |
| Sở Lao động  - TB&XH |  | Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp | 673 |  | 612 | 61 | 61 | - | Đáp ứng (cùng tính chất vốn,  điều chuyển nội bộ cấp tỉnh) |
| **cấp huyện** | | | 339 | 339 | 293 | 46 | 32 | 14 |  |
| UBND huyện Tuy Đức | UBND huyện Tuy Đức | Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp | 339 | 339 | 293 | 46 | 32 | 14 | Đáp ứng (cùng tính chất vốn,  mỗi huyện có nhu cầu tự điều chuyển nội bộ trong huyện) |
|  | **Tổng vốn có nhu cầu điều chuyển năm 2024** | | | **1.012** | **1.012** | **905** | **107** | **93** | **14** |  |

**4.5. Đối với nguồn vốn thuộc Tiểu dự án 3, Dự án 4: Hỗ trợ việc làm bền vững**

**- Tình hình thực hiện và kết quả giải ngân:** Tổng vốn giao 03 năm thực hiện Tiểu dự án là 26.595 triệu đồng (ĐTPT: 6.712 triệu đồng; sự nghiệp: 19.883 triệu đồng). Đến nay đã giải ngân được 4.576 triệu đồng (ĐTPT: 209 triệu đồng, sự nghiệp: 4.367 triệu đồng, đạt tỷ lệ 17,21% kế hoạch vốn được giao.

**Đề xuất điều chuyển:**

**+ Vốn sự nghiệp:** Đề xuất điều chuyển 4.524 triệu đồng, trong đó:

+ Sở Lao động – TB&XH đề xuất chuyển 4.000 triệu đồng (1.642 triệu đồng vốn năm 2022 sang Sở Thông tin và truyền thông để thực hiện Tiểu dự án 1 dự án 6; 1.611 triệu đồng vốn năm 2023 sang Sở Y tế và 747 triệu đồng năm vốn năm 2024 sang Sở Y tế để thực hiện Tiểu dự án 2 dự án 3 Cải thiện dinh dưỡng);

+ UBND huyện Tuy Đức đề xuất điều chuyển 524 triệu đồng sang Tiểu dự án 1 - Dự án 3 hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp để thực hiện (điều chuyển trong huyện).

***Cơ sở đề xuất điều chuyển:*** Các nội dung thực hiện của Tiểu dự án đều được phân bổ kinh phí cho cấp tỉnh, cấp huyện để thực hiện nên nhiều nội dung trùng nhau gây khó khăn cho các đơn vị được phân bổ kinh phí (cấp tỉnh triển khai, cấp huyện không triển khai được do trùng nội dung, đối tượng hỗ trợ). Nội dung hỗ trợ kết nối việc làm thành công chưa thực hiện được do số lao động được hỗ trợ kết nối việc làm thành công qua Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh có giao kết hợp đồng lao động thuộc các đối tượng như hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo rất ít.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Đơn vị đề xuất chuyển vốn** | **Đề xuất đơn vị nhận vốn** | **Đề xuất Dự án/tiểu dự án sử dụng nguồn vốn được điều chuyển** | **Kế hoạch vốn** | | | | | | **Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương theo Nghị quyết đã được HĐND tỉnh phê duyệt** |
| **Tổng chuyển** | **Tổng nhận** | **Ngân sách  TW** | **Ngân sách  địa phương** | **Ngân sách  tỉnh** | **Ngân sách  huyện** |
| **NHU CẦU ĐIỀU CHUYỂN CỦA 3 NĂM 2022-2024** | | | | **4.524** | **4.524** | **3.867** | **657** | **475** | **19** |  |
| **Vốn năm  2022** | **Cấp tỉnh** | | | 1.642 | 1.642 | 1.479 | 163 | - | - | Đáp ứng (cùng tính chất vốn,  điều chuyển nội bộ cấp tỉnh) |
| Sở Lao động - TB&XH | Sở Thông tin và Truyền thông | Tiểu dự án 1 Dự án 6 Giảm nghèo về thông tin |  | 1.642 | 1.479 | 163 | - | - |
| **cấp huyện** | | | 95 | 95 | 86 | 9 | 6 | 3 | Đáp ứng (cùng tính chất vốn,  mỗi huyện có nhu cầu tự điều chuyển nội bộ trong huyện) |
| UBND huyện Tuy Đức | UBND huyện Tuy Đức | Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp | 95 | 95 | 86 | 9 | 6 | 3 |
| **Tổng vốn có nhu cầu điều chuyển năm 2022** | | | **1.737** | **1.737** | **1.565** | **172** | **6** | **3** |  |
| **Cấp tỉnh** | | | 1.611 | 1.611 | 1.179 | 432 | 432 | - |  |
| **Vốn  năm 2023** | Sở Lao động - TB&XH | Sở Y tế | Tiểu dự án 2 Dự án 3 Cải thiện dinh dưỡng | 1.611 | 1.611 | 1.179 | 432 | 432 | - | Đáp ứng (cùng tính chất vốn,  điều chuyển nội bộ cấp tỉnh) |
| **cấp huyện** | | | 260 | 260 | 236 | 24 | 17 | 7 |  |
| UBND huyện Tuy Đức | UBND huyện Tuy Đức | Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp | 260 | 260 | 236 | 24 | 17 | 7 | Đáp ứng (cùng tính chất vốn,  mỗi huyện có nhu cầu tự điều chuyển nội bộ trong huyện) |
| **Tổng vốn có nhu cầu điều chuyển năm 2023** | | | **1.871** | **1.871** | **1.415** | **456** | **449** | **7** |  |
| **Vốn  năm 2024** | **Cấp tỉnh** | | | **747** | **747** | **747** | **-** | **-** | **-** |  |
| Sở Lao động  - TB&XH | Sở Y tế | Tiểu dự án 2 Dự án 3 Cải thiện dinh dưỡng | 747 | 747 | 747 | - | - | - | Đáp ứng (cùng tính chất vốn,  điều chuyển nội bộ cấp tỉnh) |
| **cấp huyện** | | | 169 | 169 | 140 | 29 | 20 | 9 |  |
| UBND huyện Tuy Đức | UBND huyện Tuy Đức | Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp | 169 | 169 | 140 | 29 | 20 | 9 | Đáp ứng (cùng tính chất vốn,  mỗi huyện có nhu cầu tự điều chuyển nội bộ trong huyện) |
|  | **Tổng vốn có nhu cầu điều chuyển năm 2024** | | | **916** | **916** | **887** | **29** | **20** | **9** |  |

**+ Vốn đầu tư phát triển:** Đề xuất điều chuyển 433 triệu đồng, trong đó:

+ UBND huyện Tuy Đức đề xuất điều chuyển 231 triệu đồng sang Tiểu dự án 1, Dự án 1 đang thực hiện trên địa bàn huyện (điều chuyển trong huyện);

+ UBND huyện Đắk Glong đề xuất điều chuyển 202 triệu đồng sang Tiểu dự án 1, Dự án 1 đang thực hiện trên địa bàn huyện (điều chuyển trong huyện).

***Cơ sở đề xuất điều chuyển:*** Không có nội dung để thực hiện ở cấp huyện (chỉ thực hiện được nội dung mua sắm máy tính để đảm bảo phục vụ các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ thu thập, phân tích, dự báo và phổ biến thông tin thị trường lao động).

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Đơn vị đề xuất chuyển vốn** | **Đề xuất đơn vị nhận vốn** | **Đề xuất Dự án/tiểu dự án sử dụng nguồn vốn được điều chuyển** | **Kế hoạch vốn** | | | | | | **Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương theo Nghị quyết đã được HĐND tỉnh phê duyệt** |
|  |  |  |  | **Tổng chuyển** | **Tổng nhận** | **Ngân sách  TW** | **Ngân sách  địa phương** | **Ngân sách  tỉnh** | **Ngân sách  huyện** |
| **NHU CẦU ĐIỀU CHUYỂN CỦA 3 NĂM 2022-2024** | | | | **433** | **433** | **403** | **30** | **21** | **9** |  |
| Năm 2022 | UBND huyện Đăk Glong | UBND huyện Đăk Glong | Tiểu dự án 1 Dự án 1 | **202** | **202** | **202** |  |  |  | Đăk Glong chưa cung cấp chi tiết số liệu và vốn năm bao nhiêu |
| UBND huyện Tuy Đức | UBND huyện Tuy Đức | Tiểu dự án 1 Dự án 1 | 41 | 41 | 37 | 4 | 3 | 1 |  |
| Năm 2023 | UBND huyện Đăk Glong | UBND huyện Đăk Glong | Tiểu dự án 1 Dự án 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| UBND huyện Tuy Đức | UBND huyện Tuy Đức | Tiểu dự án 1 Dự án 1 | 139 | 139 | 126 | 13 | 9 | 4 |  |
| Năm 2024 | UBND huyện Đăk Glong | UBND huyện Đăk Glong | Tiểu dự án 1 Dự án 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| UBND huyện Tuy Đức | UBND huyện Tuy Đức | Tiểu dự án 1 Dự án 1 | 51 | 51 | 38 | 13 | 9 | 4 |  |

**4.6 Đối với dự án 5 Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo trên địa bàn huyện nghèo (100% vốn sự nghiệp)**

**- Tình hình thực hiện và kết quả giải ngân:** Năm 2022 tỉnh Đắk Nông không được bố trí kinh phí triển khai thực hiện. Năm 2023, 2024 được bố trí 72.782 triệu đồng, đến nay đã thực hiện hỗ trợ được 76 căn nhà (huyện Tuy Đức: 60 căn; huyện Đắk Glong: 16 căn), tương đương 13% so với số lượng nhà ở đã được phê duyệt tại Đề án của UBND tỉnh. Tổng kinh phí đã giải ngân 3.190 (năm 2023 được 3.100 triệu đồng; Năm 2024 được 90 triệu đồng).

**Đề xuất điều chuyển:**

Tổng kinh phí đề xuất điều chuyển: 28.703 triệu đồng, trong đó:

+ UBND huyện Tuy Đức đề xuất điều chuyển 8.036 triệu đồng sang Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 1 để thực hiện (điều chuyển trong huyện);

+ UBND huyện Đắk Glong đề xuất điều chuyển 20.667 triệu đồng sang Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 1 để thực hiện nội dung duy tu bảo dưởng công trình mới (điều chuyển trong huyện).

***Cơ sở đề xuất điều chuyển:*** Không có nhiều đối tượng thụ hưởng, khó giải ngân hết số vốn được bố trí vì đa số các đối tượng không đáp ứng được các điều kiện đất đai để nhận hỗ trợ như: không đủ điều kiện tách thửa, không chuyển đổi được mục đích sử dụng, đất thuộc quy hoạch, không có kinh phí đối ứng …

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Đơn vị đề xuất chuyển vốn** | **Đề xuất đơn vị nhận vốn** | **Đề xuất Dự án/tiểu dự án sử dụng nguồn vốn được điều chuyển** | **Kế hoạch vốn** | | | | | | **Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương theo Nghị quyết đã được HĐND tỉnh phê duyệt** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  | **Tổng chuyển** | **Tổng nhận** | **Ngân sách  TW** | **Ngân sách  địa phương** | **Ngân sách  tỉnh** | **Ngân sách  huyện** |
| **NHU CẦU ĐIỀU CHUYỂN CỦA 3 NĂM 2022-2024** | | | | **28.703** | **28.703** | **26.824** | **1.879** | **-** | **1.879** |  |  |
| Năm 2023 | UBND huyện Tuy Đức | UBND huyện Tuy Đức | Tiểu dự án 1 Dự án 1 | 4.136 | 4.136 | 4.136 | - | - | - |  |  |
| Năm 2024 | UBND huyện Đăk Glong | UBND huyện Đăk Glong | Tiểu dự án 1 Dự án 1 trên địa bàn huyện | 20.667 | 20.667 | 18.788 | 1.879 |  | 1.879 | Đáp ứng (cùng tính chất vốn,  mỗi huyện có nhu cầu tự điều chuyển nội bộ trong huyện) | Đăk Glong chưa cung cấp chi tiết (số liệu nhập tạm từ số tổng đx của huyện) |
| UBND huyện Tuy Đức | UBND huyện Tuy Đức | Tiểu dự án 1 Dự án 1 trên địa bàn huyện | 3.900 | 3.900 | 3.900 | - | - | - | Đáp ứng (cùng tính chất vốn,  mỗi huyện có nhu cầu tự điều chuyển nội bộ trong huyện) |  |

**5. Một số khó khăn, vướng mắc, kiến nghị đề xuất trong quá trình rà soát nhu cầu điều chuyển vốn**

- Hiện nay, khối lượng công việc cần triển khai liên quan đến Chương trình mục tiêu quốc gia và các nhiệm vụ khác khá nhiều; các đơn vị địa phương đang gấp rút thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn để đẩy nhanh tiến độ giải ngân toàn Chương trình. Trong khi đó, hệ thống biểu mẫu yêu cầu báo cáo khá phức tạp, chi tiết, do đó nhiều đơn vị, địa phương cập nhật, rà soát số liệu chưa đầy đủ, chưa đảm bảo yêu cầu đề ra tại Công văn số 547/SKH-QLN ngày 18/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư, đã ảnh hưởng đến việc tổng hợp chung số liệu của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo.

- Trên cơ sở số liệu báo cáo từ các đơn vị, địa phương Sở Lao động – TB&XH tổng hợp sơ bộ, đề xuất điều chuyển vốn của một số dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững như đã báo cáo nêu trên. Tuy nhiên, để thống nhất việc đề xuất của từng dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình, Sở Lao động – TB&XH đang đôn đốc các đơn vị, địa phương tiếp tục rà soát, báo cáo để có cơ sở, phương án tham mưu đối với nguồn vốn đã được bố trí thực hiện Chương trình.

Với các nội dung nêu trên, Sở Lao động – TB&XH đề nghị Sở Tài chính Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - UBND tỉnh (để b/c);  - Đ/c GĐ, PGĐ (đ/c Nam);  - Phòng LĐVLGDNN (th/h);  - Lưu: VP, BTXH&PCTN. | **KT. GIÁM ĐỐC**  **PHÓ GIÁM ĐỐC**  **Hoàng Viết Nam** |